

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST

Ngày 26/01/2021

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Công

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Hòa

Ông Phan Tấn Lãm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Ngọc Ánh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Văn – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2020/TLST - HNGĐ ngày 18/6/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXX-ST ngày 10/01/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Chu Thị Nhật L, sinh năm 1998; địa chỉ: thôn L, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước “có mặt”;

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn T, sinh năm 1998; địa chỉ: đội 7, xã N, huyện H, tỉnh Nam Định “có đơn xin vắng mặt”;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Lời trình bày của chị Chu Thị Nhật L tại đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa như sau:**

Về hôn nhân: chị Chu Thị Nhật L và anh Trần Văn T tự nguyện chung sống với nhau và có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện H, tỉnh Nam Định vào năm 2018. Trong thời gian chung sống vợ chồng chị L và anh T có hạnh phúc đến tháng 4 năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn về kinh tế gia đình, bất đồng quan điểm trong lối sống giữa vợ chồng dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau nên chị L đã sống ly thân anh T từ tháng 9 năm 2019 cho đến nay. Nay,

chị L xác định cuộc sống hôn nhân giữa chị L và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị L và anh T có 01 người con chung là Trần Gia K, sinh ngày 30/6/2018. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung đến khi thành niên.

Về cấp dưỡng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết mà để chị và anh T tự thỏa thuận.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị L xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn là anh Trần Văn T tại biên bản lấy lời khai ngày 11/12/2020 trình bày như sau:**

Về hôn nhân: chị Chu Thị Nhật L và anh Trần Văn T tự nguyện chung sống với nhau và có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện H, tỉnh Nam Định vào năm 2018. Sau khi kết hôn vợ chồng anh T và chị L chung sống hạnh phúc được khoảng 06 đến 07 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong lối sống giữa vợ chồng dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Nay, chị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh T đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: Vợ chồng anh T có 01 người con chung là Trần Gia K, sinh ngày 30/6/2018. Khi ly hôn anh T đồng ý giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung đến khi thành niên.

Về cấp dưỡng: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:**

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục và đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Về các đương sự: các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị L được ly hôn anh T; về con chung: Giao con chung Trần Gia K, sinh ngày 30/6/2018 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con chung do nguyên đơn chị Chu Thị Nhật L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn T theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Bị đơn anh T cư trú tại xã N, huyện H, tỉnh Nam Định. Tuy nhiên, anh T và chị L có văn bản thỏa thuận chọn Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước là nơi nguyên đơn cư trú có thẩm quyền giải quyết vụ án ly hôn. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập.

[2] Đối với bị đơn anh Trần Văn T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Đồng thời, anh T đã có đơn xin giải quyết vắng mặt tại phiên tòa đề ngày 11/12/2020 nên căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về hôn nhân: Chị Chu Thị Nhật L và anh Trần Văn T tự nguyện chung sống với nhau và có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện H, tỉnh Nam Định vào năm 2018. Xét, đây là hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử, nhận thấy sau khi kết hôn chị L và anh T cùng thừa nhận vợ chồng có chung sống hạnh phúc đến tháng 4 năm 2019 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn về kinh tế gia đình, bất đồng quan điểm trong lối sống giữa vợ chồng dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không tôn trọng lẫn nhau nên đã sống ly thân nhau từ tháng 9 năm 2019 cho đến nay. Hơn nữa, cả chị L và anh T cùng xác định cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L. Cho chị ly hôn giữa chị Chu Thị Nhật L và anh Trần Văn T.

[4] Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống chị L và anh T có 01 người con chung Trần Gia K, sinh ngày 30/6/2018. Tại phiên tòa chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Xét thấy, yêu cầu được nuôi con là quyền, nghĩa vụ của chị L và anh T đã được quy định tại điều 58 Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, hiện cháu Kiệt đang dưới 36 tháng tuổi, giữa chị L và anh T không có thuận khác về việc giao con chung cho ai nuôi và anh T đồng ý giao cháu Kiệt cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cháu Kiệt cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Thời hạn giao con cho chị L kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về cấp dưỡng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: chị L và anh T cùng khẳng định không có tài sản chung và nợ chung và không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng chị Chu Thị Nhật L phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 40, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Chu Thị Nhật L và anh Trần Văn T.

2. Về nuôi con: Giao con chung Trần Gia K, sinh ngày 30/6/2018 cho chị Chu Thị Nhật L trực tiếp nuôi đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Thời hạn giao con chung cho chị L kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị L phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0019290 ngày 16/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên

án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND H. Bù Gia Mập;
- TAND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS H. Bù Gia Mập;
- UBND xã N, huyện H, tỉnh Nam Định;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Công